TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/HNGĐ - ST
Ngày 25 – 6 – 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà H' Hương Bkrông

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2026/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2026/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Kim N; sinh năm: 1973; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: 250/49/41 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk

*** Bị đơn**: Ông Phan Văn T; sinh năm: 1968; vắng mặt

Địa chỉ: Cụm E, tổ dân phố E, phường T, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Tôi và ông Phan Văn T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay mà không có cách nào hàn gắn.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk cho tôi được ly hôn với ông Phan Văn T

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và ông Phan Văn T có 03 con chung là Phan Thị Yến N1, sinh năm: 1994; Phan Thị Quỳnh N2, sinh năm: 1996 và Phan Văn T1, sinh năm: 2001. Hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi, đã có công việc ổn định nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt, không có bản tự khai hay văn bản trình bày ý kiến

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Phan Văn T

Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Phan Văn T có địa chỉ cư trú tại: Cụm E, tổ dân phố E, phường T, tỉnh Đắk Lắk nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phan Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phan Văn T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk) ngày 28/5/1994 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện, giữa ông T và bà N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được, chỉ biết trên thực tế ông bã đã sống riêng mấy năm nay, không còn ở với nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phan Văn T để ông T tham gia tố tụng, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt, không thể hiện được thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm. Bà N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên việc hòa giải đoàn tụ là không thể. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N, cho bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Phan Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phan Văn T có 03 con chung là chị Phan Thị Yến N1, sinh năm: 1994; chị Phan Thị Quỳnh N2, sinh năm: 1996 và anh Phan Văn T1, sinh năm: 2001. Hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi, bà N không yêu cầu xem xét giải quyết về con chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N không có yêu cầu nên HĐXX không đề cập xem xét

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân

và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Phan Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 238, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phan Văn T có 03 con chung là Phan Thị Yến N1, sinh năm: 1994; Phan Thị Quỳnh N2, sinh năm: 1996 và Phan Văn T1, sinh năm: 2001. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001357 ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ông Phan Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Đương sự;
- UBND p. Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hương Giang